ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 269/BC-UBND	*Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 6 năm 2023*

BÁO CÁO
Kết quả công tác dân tộc 6 tháng đầu năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc

Thực hiện Công văn số 902/UBDT-TH ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban Dân tộc về việc báo cáo kết quả công tác dân tộc 6 tháng đầu năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm theo Thông tư số 06/2022/TT-UBDT, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế báo cáo với các nội dung cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 17/3/2023 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây được viết tắt là Chương trình MTQG) trên địa bàn tỉnh năm 2023; ban hành 02 kế hoạch chuyên đề thuộc lĩnh vực công tác dân tộc[1]; trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 04 nghị quyết để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn trung hạn cũng như để triển khai thực hiện các chính sách dân tộc thuộc Chương trình MTQG; ban hành 05 quyết định, quy định để triển khai thực hiện Chương trình MTQG[2]. Chỉ

---

[1] Cụ thể: Kế hoạch 106/KH-UBND ngày 21/3/2023 hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2023-2025; Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 30/5/2023 về thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp, thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025

[2] Cụ thể: Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 04/01/2023 của HĐND tỉnh về việc phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thuộc các CTMTQG năm 2023; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 28/03/2023 Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án dược liệu quý thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 12/5/2023 về định mức hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12/5/2023 điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 Về việc giao dự toán kinh phí thường xuyên do ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu để địa phương thực hiện Chương trình MTQG năm 2023; Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 23/2/2023 về việc Giao kế hoạch năm 2023 vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương thực hiện 03 CTMTQG tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 27/01/2023 Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh năm 2023 thực hiện 03 CTMTQG tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc Phê duyệt danh sách đưa ra khỏi và thay thế, bổ sung mới người có uy tín trong đồng bào DTTS tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023; Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày

đạo Ban Dân tộc tỉnh ban hành Chương trình công tác dân tộc năm 2023 và 08 kế hoạch chuyên đề công tác dân tộc theo thẩm quyền và chức năng, nhiệm vụ được giao[3].

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh duy trì thường xuyên chế độ hội nghị giao ban hằng tháng về tình hình, tiến độ thực hiện chính sách dân tộc thuộc Chương trình MTQG [4]; tổ chức 4 cuộc làm việc trực tiếp với cơ sở để kiểm tra, chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Chương trình MTQG. Ban Dân tộc ban hành kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG năm 2023 và tổ chức 04 đoàn kiểm tra tại các địa phương. Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG tổ chức 2 cuộc họp với các ban ngành, các địa phương liên quan để nắm tình hình, tiến độ, phối hợp triển khai, hướng dẫn giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các địa phương cơ sở. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định, kỳ, chuyên đề theo quy định[5].

2. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với công tác dân tộc

Tỉnh ủy, UBND tỉnh, cấp ủy, chính quyền các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân tộc, nhất là công tác giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG. Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững tỉnh tổ chức Hội nghị đánh giá tình hình thực hiện công tác giảm nghèo năm 2022, triển khai Chương trình công tác năm 2023, trong đó có nội dung báo cáo phương án đưa huyện A Lưới thoát khỏi 74 huyện nghèo Quốc gia; tổ chức các đợt kiểm tra việc triển khai thực hiện Chỉ thị 33-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 và chỉ đạo các đơn vị tổ chức phát động phong trào "Dòng họ, làng, bản không có hộ nghèo"[6]. Ban Dân vận Tỉnh ủy tổ chức giám sát công tác dân vận vùng đồng bào DTTS đối với Ban Thường vụ Huyện ủy Nam Đông.

13/02/2023 Quy định định mức đất sản xuất để thực hiện Dự án 1: Giải quyết tình 1719/QĐ -TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 trạng thiếu đất sản xuất theo Quyết định số của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

[3] Cụ thể: Kế hoạch thuộc CTMTQG: Thực hiện Nội dung 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 5, Chương trình MTQG năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Đào tạo, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ ở các cấp về triển khai Chương trình MTQG năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (thuộc Tiểu dự án 4, Dự án 5); Thực hiện tiểu dự án 02, Dự án 9: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023; Triển khai, thực hiện "Chương trình 3 phát triển năng lực thúc đẩy bình đẳng giới trong cộng đồng" thuộc Dự án 8, Chương trình MTQG tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023; Thực hiện nội dung 01 và 02, tiểu dự án 01, dự án 10: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS năm 2023; Kế hoạch 14/KH- BDT ngày 21/02/2023 Đào tạo, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ ở các cấp về triển khai Chương trình MTQG năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (thuộc Tiểu dự án 4, Dự án 5); Kế hoạch 23/KH-BDT ngày 15/03/2023 Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

[4] Cụ thể: tổ chức cuộc họp Văn phòng điều phối Chương trình MTQG để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong năm 2023; làm việc, kiểm tra tiến độ thực hiện ở các địa phương và ban hành 06 thông báo kết luận để chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG.

[5] Cụ thể: ban hành các báo cáo hằng tháng, quý, 6 tháng; các báo cáo chuyên đề phục vụ đoàn giám sát của Quốc hội khảo sát và làm việc tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

[6] Chương trình số 15-CTr/BCĐ, ngày 3/3/2023 về Công tác của Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững năm 2023.

Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên sâu sát lãnh đạo công tác dân tộc, nhất là Chương trình MTQG; chỉ đạo Ban Dân tộc và các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa và Thể thao,... trong công tác tham mưu triển khai thực hiện Chương trình MTQG; tổ chức nhiều cuộc họp với các sở, ngành, các đợt công tác tại các huyện vùng đồng bào DTTS&MN: A Lưới và Nam Đông để nắm tình hình, chỉ đạo công tác triển khai Chương trình ở địa phương cơ sở, nhất là việc xác định mục tiêu, các chỉ tiêu giảm nghèo; lồng ghép nguồn lực các Chương trình MTQG... để bảo đảm hiệu quả, tối ưu nhất trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể các cấp chăm lo chu đáo cho người dân và các đối tượng chính sách trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh, môi trường,... tổ chức Lễ phát động "Tháng hành động vì trẻ em năm 2023" tại huyện Nam Đông; chuẩn bị các hoạt động tuyên truyền Tháng hành động vì trẻ em năm 2023,…

3. Đánh giá kết quả hoạt động của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh

Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế được thành lập theo Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 22/9/2004 của UBND tỉnh có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc tại các xã miền núi thuộc 05 huyện và thị xã: A Lưới, Nam Đông, Phong Điền, Phú Lộc và Hương Trà. Đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

Sau khi Nghị định 107/2020/NĐ-CP có hiệu lực cho đến nay, năm 2022, Ban Dân tộc tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 về việc tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế vẫn giữ nguyên số lượng 3 phòng và thay đổi tên gọi 1 phòng[7]. Tổng số cán bộ, công chức và người lao động là 17 người.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Ban Dân tộc đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành 04 nghị quyết[8]; tham mưu UBND tỉnh ban hành 03 kế hoạch, 05 quyết định[9], và 04 báo cáo đánh giá sơ kết, tổng kết[10] liên quan đến

---

[7]Văn phòng, Chính sách Dân tộc, Thanh tra và Tuyên truyền.

[8]Cụ thể: Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 04/01/2023 của HĐND tỉnh về việc phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thuộc các CTMTQG năm 2023; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 28/03/2023 Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án dược liệu quý thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 12/5/2023 về định mức hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12/5/2023 điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 các Chương trình MTQG.

[9] Cụ thể: Kế hoạch 106/KH-UBND ngày 21/3/2023 hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2023-2025; Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 30/5/2023 về thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp, thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025; Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 Về việc giao dự toán kinh phí thường xuyên do ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu để địa phương thực hiện Chương trình MTQG năm 2023; Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 23/2/2023 về việc Giao kế hoạch năm 2023 vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương thực hiện 03 CTMTQG tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 27/01/2023 Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh năm 2023 thực hiện 03 CTMTQG tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 3224/QĐ-

công tác dân tộc; tham mưu UBND tỉnh tham gia góp ý 05 dự thảo nghị định, thông tư, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương liên quan đến công tác dân tộc[11], đã tổ chức 12 hội nghị cấp tỉnh, cấp huyện, xã, 2 hội nghị trao đổi kinh nghiệm, 2 đợt tham quan học tập kinh nghiệm, 9 lớp tập huấn, 6 hội thi, 6 mô hình, thuộc chương trình MTQG[12].

Nghiêm túc thực hiện các thông báo kết luận của UBND tỉnh tại các cuộc họp về Chương trình MTQG [13]; làm việc, kiểm tra tiến độ thực hiện ở các địa phương, kịp thời điều chỉnh những sai sót trong quá trình tổ chức thực hiện (huyện Phú Lộc); hướng dẫn, cập nhật các văn bản mới đối với các địa phương (A Lưới, Nam Đông, Hương Trà) để đẩy nhanh tiến độ giải ngân. Ban hành các kế hoạch và văn bản triển khai các nhiệm vụ để chỉ đạo, điều hành thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án, các chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh; báo cáo chuyên đề, báo cáo định kỳ, đột xuất và các văn bản triển khai các chính sách dân tộc[14]. Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ngành liên quan trong thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, thực hiện Quy chế phối hợp của UBND tỉnh, cung cấp thông tin và tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo về công tác dân tộc và chính sách dân tộc; kịp thời phản ánh, đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh về giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ giải quyết những khó khăn cho vùng đồng bào DTTS&MN.

Ban Dân tộc tỉnh đã thường xuyên tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; bám sát chức năng, nhiệm vụ được giao và kế hoạch,

---

UBND ngày 30/12/2022 về việc Phê duyệt danh sách đưa ra khỏi và thay thế, bổ sung mới người có uy tín trong đồng bào DTTS tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023; Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 Quy định định mức đất sản xuất để thực hiện Dự án 1: Giải quyết tình 1719/QĐ -TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 trạng thiếu đất sản xuất theo Quyết định số của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

[10] Cụ thể: Báo cáo số 63/BC-BDT ngày 9/5/2022 của UBND tỉnh TT Huế Báo cáo Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2023, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023-2025 và đề xuất định hướng triển khai trong giai đoạn 2026-2030; Báo cáo số 76/BC-BDT ngày 29/5/2022 của UBND tỉnh TT Huế, báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình MTQG 06 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2023; Số: 33/BC-BDT, báo cáo Kết quả thực hiện công tác dân tộc quý I, triển khai nhiệm vụ quý II năm 2023; báo cáo Kết quả công tác dân tộc 6 tháng đầu năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

[11] Cụ thể: Dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 02/2022/TT-UBDT của Uỷ ban Dân tộc, dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 10/2022/TT-BYT của Bộ Y tế; dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông trong Chương trình MTQG, dự thảo Thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình; dự thảo Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công tác dân tộc; góp ý dự thảo hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 9, Quyết định 1719/QĐ-TTg

[12] Cụ thể: Tổ chức hai Hội nghị cấp tỉnh và cấp xã, huyện hướng dẫn, thu thập thông tin chỉ số đầu vào theo Thông tư 01/2022/TT-UBDT của Uỷ ban Dân tộc về giám sát, đánh giá Chương trình MTQG (thuộc Tiểu dự án 3, Dự án 10). 2 Hội nghị trao đổi kinh nghiệm trong thực hiện Chương trình MTQG năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; hai đợt tham quan, học tập kinh nghiệm tại một số tỉnh thuộc Tiểu dự án 4 Dự án 5 Chương trình năm 2022 và tổ chức nhiều đợt tập huấn, hội thi, mô hình liên quan đến bình đẳng giới giảm thiểu nạn tảo hôn và HN CHT, biểu dương tôn vinh, phát huy vai trò người có uy tín, phổ biến giáo dục pháp luật... thuộc chương trình MTQG.

[13] Cụ thể: Thông báo số 13/TB-UBND ngày 06/01/2023; Thông báo số 84/TB-UBND ngày 04/03/2023; Thông báo số 130/TB-UBND ngày 31/03/2023; Thông báo số 145/TB-UBND ngày 10/04/2023; Thông báo số 175/TB-UBND ngày 27/04/2023; Thông báo số 217/TB-UBND ngày 29/05/2023.

[14] Cụ thể: Báo cáo 94, Kế hoạch 43, Tờ trình 29, Quyết định 42, Công văn 377,…

chương trình công tác năm 2023 để chủ động tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Ban Dân tộc đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các địa phương liên quan tổ chức các phiên họp Văn phòng điều phối Chương trình MTQG để triển khai nhiệm vụ năm 2023; đã kịp thời tổ chức đoàn liên ngành khảo sát Dự án bố trí ổn định dân cư xã Quảng Nhâm thuộc Dự án 2 thuộc Chương trình MTQG tại huyện A Lưới; Hoàn thiện các thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án dược liệu quý thuộc Chương trình MTQG; Tổ chức Hội nghị trao đổi kinh nghiệm trong thực hiện Chương trình MTQG năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Hội nghị cấp tỉnh, cấp huyện để hướng dẫn, thu thập thông tin chỉ số đầu vào theo Thông tư 01/2022/TT-UBDT của Ủy ban Dân tộc về giám sát, đánh giá Chương trình MTQG; báo cáo tham luận tại Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện Chương trình MTQG tại Quảng Ngãi.

- Triển khai thực hiện Công văn số 12304/UBND-ĐN ngày 18/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thống nhất việc ký kết Biên bản ghi nhớ giữa Ban Dân tộc và Sở Nội vụ tỉnh Salavan cụ thể: ban hành Thư mời, Chương trình và biên bản ghi nhớ gửi Sở Nội vụ tỉnh Salavan, Nước CHDCND Lào sang trao đổi kinh nghiệm và ký kết biên bản ghi nhớ với Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế vào đầu tháng 6 năm 2023.

- Tham gia các hoạt động của Tỉnh ủy liên quan đến công tác dân tộc (các hội nghị, cuộc họp, làm việc, kiểm tra của Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững của tỉnh với các địa phương vùng đồng bào DTTS&MN để tham gia ý kiến, góp ý trong công tác giảm nghèo của địa phương cơ sở).

- Chủ động, tích cực phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở ngành, địa phương liên quan trong công tác tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 1719/QĐ -TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Thường xuyên chú trọng phối hợp công tác dân tộc với các sở, ban, ngành, nhất là các cơ quan, đơn vị được tham gia nhiệm vụ thuộc Chương trình MTQG.

- Thường xuyên nắm tình hình, công tác dân tộc ở cơ sở, nhất là khó khăn, vướng mắc trong Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2030, thực hiện chính sách dân tộc để báo cáo HĐND, UBND tỉnh.

II. TÌNH HÌNH VÙNG DTTS&MN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

1. Về sản xuất, đời sống

06 tháng đầu năm, tình hình sản xuất và đời sống của đồng bào DTTS&MN tỉnh Thừa Thiên Huế cơ bản được đảm bảo. Dưới sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và ngành chức năng các địa phương vùng đồng bào DTTS tổ chức thu hoạch vụ Đông Xuân 2022-2023 và triển khai kế hoạch sản xuất vụ

Hè Thu 2023[15]. Hướng dẫn nông dân làm đất, gieo sạ lúa và cây trồng khác đúng khung lịch thời vụ, xây dựng và triển khai phương án chống hạn vụ Hè Thu cho cây lúa và cây trồng khác; thực hiện kiểm tra, gia cố, nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy các tuyến kênh mương; chủ động hướng dẫn nông dân tích trữ nước trong ruộng, chống hạn cho cây lúa. Các cơ quan nông nghiệp tăng cường kiểm tra theo dõi quá trình phát triển của sâu, bệnh hại trên đồng ruộng, rau màu.

Tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm được kiểm soát, các loại dịch bệnh nguy hiểm như: cúm gia cầm, lợn tai xanh, dịch tả lợn Châu Phi, lở mồm long móng không xảy ra. Công tác kiểm soát giết mổ ở các lò giết mổ gia súc được duy trì thường xuyên, không có trường hợp xử lý vi phạm; công tác tiêu độc khử trùng, kiểm tra vệ sinh thú y được tiến hành thường xuyên. Tiếp tục thực hiện tiêm phòng vắc xin cho gia súc, gia cầm[16]. Đốc thúc, đẩy mạnh công tác nuôi trồng thủy sản và triển khai các Đề án chăn nuôi của địa phương[17]; triển khai tốt công tác phòng, chống cháy rừng, phòng chống nắng nóng, dịch bệnh cho đàn vật nuôi.

2. Về văn hóa

Lãnh đạo UBND các huyện vùng DTTS&MN đã chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt các hoạt động tuyên truyền trực quan.

---

[15] **Huyện Nam Đông**: Tổng diện tích cây lương thực đã gieo trồng là 528,5/924 ha, đạt 57,2% kế hoạch cả năm (trong đó lúa 310/580 ha; Ngô 218,5/344 ha); năng suất bình quân lúa nước vụ Đông Xuân 2022-2023 ước đạt 56,2 tạ/ha, tăng 0,6 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước. Tổng sản lượng lương thực có hạt là 2.640,4/4.434,4 tấn, đạt 59,5% kế hoạch cả năm (trong đó lúa 1.744,6 tấn; ngô 895,8 tấn). Cây sắn: Đến nay đã trồng được 460/500 ha, đạt 92,0% so với kế hoạch, (trong đó sắn công nghiệp 450 ha); Khoai lang: đã trồng được 35,5/55 ha, đạt 66,98% so với kế hoạch; năng suất 51,0 tạ/ha; Lạc: đã trồng được 12,5/15 ha, đạt 83,3% so với kế hoạch; năng suất 17,0 tạ/ha; Cây đậu các loại: đã trồng được 130,0/183 ha, đạt 71,0% kế hoạch; năng suất 7 tạ/ha; Rau các loại (gồm cả ớt): đã gieo trồng là 214,5/292,2 ha, đạt 73,4 % kế hoạch; năng suất 95,0 tạ/ha; Các loại cây có củ khác: đã trồng được 42,4/65 ha, đạt 65,2% kế hoạch; năng suất đạt 5157 tạ/ha; Cây mía: đã trồng được 25,7/25 ha; đạt 102,8% kế hoạch cả năm; Cây thức ăn gia súc: Đế nay đã trồng được 88/88 ha; đạt 100% KH. Các xã, thị trấn đều đã thành lập và kiện toàn Ban chỉ đạo làm vườn để triển khai thực hiện; tại xã Hương Hữu và đã hỗ trợ cho 01 hộ trồng 0,2 ha Bưởi Da Xanh; Các địa phương đã chỉ đạo trồng được 0,85 ha cam; 3,1 ha bưởi các loại; 2,68 ha dứa; 6,17 ha chuối; 5,98 ha cau và 0,8 ha các cây ăn quả khác. **Huyện A Lưới:** Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Đông xuân: 3.255,0 ha, đạt 56,1% kế hoạch năm, năng suất lúa nước 57 tạ/ha. Sản lượng lương thực có hạt: 9.097,0 tấn, đạt 50,5% kế hoạch năm. Duy trì 1.160,5 ha cây cao su, trong đó, diện tích khai thác 1.073,7 ha; Chuối hàng hóa diện tích 337,9 ha, trong đó, trồng tập trung 94,2 ha. Cây Sâm Bố chính đã trồng 6,92 ha, trong đó liên kết với Công ty Hoàng Gia 4,0 ha. Cây Cà gai leo đã liên kết với Hợp tác xã Bảo Hiếu 5,4 ha. Hoa các loại bán dịp Tết Nguyên đán, với số lượng 266.500 cây, chậu hoa, tổng doanh thu 895 triệu đồng.

[16] **Huyện Nam Đông**: trong 6 tháng đầu năm đã tiêm phòng Vaccine Tụ huyết trùng trâu bò được 700 liều/2900 đạt tỷ lệ 24,1%; Vaccine Tam liên lợn 1910 liều/4000 đạt tỷ lệ 47,8%. Vaccine Dại chó mèo 960/2400 liều đạt tỷ lệ 40,0%. **Huyện A Lưới:** Triển khai công tác tiêm phòng vắc xin Tụ huyết trùng trâu, bò; Tam liên lợn; Dại chó năm 2023. Tổng đàn gia súc 25.156 con/26.500 con, đạt 94,9% kế hoạch năm, tổng đàn gia cầm 176.306 con/185.000 con, đạt 95,3% kế hoạch năm.

[17] **Huyện Nam Đông**: Tổng đàn bò đã nuôi đến nay là 2.830 con, giãm 123 con so với cùng kỳ năm trước (trong đó bò lai là 2.400 con); Đàn trâu hiện có 1.925 con; Tổng đàn lợn đã nuôi đến nay là 13.700 con, tăng 1.100 con so với cùng kỳ, đàn lợn nái hiện có 1.270 con (tăng 170 con so với cùng kỳ năm trước); Tổng đàn gia cầm đã nuôi đến nay là 208.390 con, tăng 11.390 con so với cùng kỳ; trong đó gà: 180.490 con, chiếm 86,6% so tổng đàn gia cầm; Đàn Dê 205 con; đàn chim cút 8.700 con; đàn chim Bồ câu 4.880 con. **Huyện A Lưới:** Duy trì tốt 242,8 ha diện tích ao hồ và nuôi 56 lồng cá trên lòng hồ thủy điện (trong đó, có 06 lồng làm mới năm 2023); diện tích thu hoạch 117,0 ha, năng suất đạt 3,3 tấn/ha, sản lượng 386,1 tấn; khai thác từ lòng hồ Thủy điện và nuôi cá lồng ước khoảng 16,0 tấn.

Tổ chức tuyên truyền trên đài phát thanh huyện, xã và tuyên truyền lưu động về kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện lịch sử quan trọng của quê hương, đất nước[18]. Tăng cường công tác kiểm tra các điểm hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch, quảng cáo. Duy trì tốt việc tiếp sóng phục vụ nhu cầu nghe nhìn của Nhân dân. Kịp thời đưa tin, phóng sự về các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh trên địa bàn.

Thực hiện công tác quản lý về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn; phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh đô thị và nông thôn"[19]

3. Về giáo dục

Chỉ đạo tổng kết năm học 2022-2023 và hướng dẫn học sinh DTTS&MN cấp THPT thực hiện tốt việc đăng ký hồ sơ thi vào các trường đại học, cao đẳng trong thời gian tới, triển khai đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học chuẩn bị cho năm học 2023-2024. Chỉ đạo các trường trong lộ trình công nhận mới và công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục để công nhận trường đạt chuẩn quốc gia năm học 2022 - 2023 đảm bảo theo kế hoạch, kiểm tra công nhận các xã, đơn vị học tập cấp huyện năm 2022, triển khai kế hoạch và hướng dẫn đăng ký công nhận năm 2023, tổ chức các cuộc thi, giao lưu cấp huyện và dự thi cấp tỉnh[20]. Tiếp tục tập trung thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục học sinh DTTS, Đề án nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện giai đoạn 2021-2025.

---

[18] **Huyện Nam Đông:** Triển khai Kế hoạch hỗ trợ phát triển du lịch tại thôn Dỗi, xã Thượng Lộ; phối hợp với tổ chức Helvetas hỗ trợ công tác phát triển du lịch tại thôn Dỗi; Kế hoạch tổ chức trại sáng tác điêu khắc truyền thống dân tộc Cơ tu lần thứ nhất năm 2023; Kế hoạch mở lớp truyền dạy đan lát truyền thống tại xã Thượng Long. **Huyện A Lưới:** tổ chức Lễ hội Mừng Nhà mới - A Riêu Ngọi Đung; Nghi thức Cúng dâng Dèng dân tộc Tà Ôi; Nghi thức "Đặt họ Hồ"; Chương trình "Xuân biên phòng - Ấm lòng dân bản"; phát hành sách Cẩm nang 100 món ẩm thực vùng cao A Lưới; Tổ chức Lễ công bố Biểu trưng (Logo) huyện A Lưới.

[19] **Huyện Nam Đông:** Toàn huyện có 60/60 thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu Khu dân cư văn hóa, đạt tỷ lệ 100%; có 82/86 cơ quan, đơn vị được công nhận và giữ vững đơn vị văn hóa đạt tỷ lệ 95,3%; có 6.455/6.595 hộ gia đình đăng ký văn hóa đạt 97,8%, trong đó công nhận 6.119/6.523 hộ, đạt 93,80%; có 03 xã được công nhận xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới. **Huyện A Lưới:** Điểm Du lịch sinh thái cộng đồng A Nôr được công nhận điểm du lịch nông thôn OCOP hạng 3 sao. Thành lập mới HTX du lịch sinh thái cộng đồng A Nôr. Hỗ trợ xây dựng homestay tại A Lin với quy mô 03 phòng; Xây dựng tuyến đường, nhà vệ sinh công cộng, nhà xe tại thác A Nôr; Đầu tư xây dựng nhà đón tiếp, đường vào suối Pâr Le … Xây dựng mới 13 homestay và 03 nhà nghỉ, nâng tổng số lên 21 homestay, các cơ sở lưu trú 700 khách. Có 13 công ty lữ hành thường xuyên đưa khách đến huyện. Trong 06 tháng đầu năm, lượt khách đến huyện ước đạt 32.800 khách, trong đó khách nước ngoài ước đạt 1.600 khách. Ước doanh thu đạt 16,4 tỷ đồng. Tạo việc làm cho trên 150 lao động.

[20] **Huyện Nam Đông:** Có 117 em học sinh giỏi cấp huyện và 05 em đạt học sinh giỏi cấp tỉnh (02 giải nhì và 03 giải KK), trong đó có 01 học sinh DTTS đạt giải khuyến khích. Tham gia thi sáng tạo Thanh thiếu niên, Nhi đồng cấp tỉnh đạt 02 giải ba và 01 giải khuyến khích (02 giải ba tiếp tục dự thi cấp quốc gia). Thi KHKT cấp tỉnh đạt 01 giải ba. Có nhiều học sinh đạt các giải TDTT và thi trực tuyến qua internet. **Huyện A Lưới:** Đến cuối năm học 2022-2023, huyện có 18/18 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và phổ cập giáo dục TH, THCS; 100% các xã, thị trấn đạt chuẩn xóa mù chữ. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý các cấp học trong năm 2022-2023; triển khai có hiệu quả "Chương trình hành động phòng, chống bạo lực học đường". Trong 6 tháng đầu năm, đã có 02 trường được công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia, 06 trường đã hoàn thành hồ sơ đề nghị công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia.

4. Về y tế

Công tác khám chữa bệnh được nâng cao về chất lượng, đáp ứng nhu cầu khám và điều trị tại địa phương[21]. Tiếp tục triển khai các hoạt động nhằm phòng, chống dịch bệnh Covid-19 gắn với hoạt động chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Tăng cường công tác tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 cho toàn dân[22], làm tốt công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho Nhân dân đặc biệt trong mùa hè thời tiết nắng nóng; bệnh sốt xuất huyết, bệnh chân tay miệng, bệnh thủy đậu, bạch hầu. Triển khai chiến dịch truyền thông, lồng ghép dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình năm 2023. Nhìn chung các cơ sở sản xuất thực phẩm trên địa bàn đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.

5. Về an ninh trật tự

Duy trì nghiêm túc chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực chiến, trực tuần tra canh gác, trực phòng chống cháy rừng, cứu hộ cứu nạn,... bảo đảm an toàn tuyệt đối trên địa bàn; tổ chức thành công Lễ giao nhận quân năm 2023[23]. Tổ chức các lớp tập huấn và tham gia tập huấn cán bộ do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức; tổ chức hội thi, hội thao trước, trong và sau Lễ ra quân huấn luyện năm 2023. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, quản lý cư trú, tăng cường tuần tra kiểm soát giao thông, đảm bảo trật tự đô thị, trật tự công cộng. Chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành hoàn chỉnh văn kiện diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện năm 2023.

Tình hình an ninh chính trị nội bộ, an ninh mạng, an ninh kinh tế, an ninh tôn giáo, dân tộc được giữ vững ổn định. Triển khai đồng bộ các biện pháp công tác giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; các sự kiện chính trị, xã hội, các mục tiêu, công trình trọng điểm trên địa bàn được bảo vệ tuyệt đối an toàn. Đã thực hiện có hiệu quả đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự, không để xảy ra các loại tội phạm, cũng như các hành vi vi phạm pháp luật[24].

---

[21] **Huyện Nam Đông:** Tổng số khám chữa bệnh từ 01/01/2022 đến 10/5/2023 tại các Trạm Y tế 10.369 lượt, tại Trung tâm Y tế huyện có 8.242 lượt đến khám và chữa bệnh trong đó điều trị nội trú 1.324, chuyển lên tuyến trên điều trị 1.417 lượt. **Huyện A Lưới:** Số lượt khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện là 16.174 lượt khám, trong đó nội trú: 2.446 lượt, ngoại trú:13.728 lượt.

[22] **Nam Đông:** Công tác tiêm vắc xin trong quý I: Tính đến nay tổng số liều vacxin đã tiêm: 70.439 liều; trong đó: Người từ 5 đến dưới 12 tuổi tiêm mũi 1: 3.574 liều (đạt 92,6%), mũi 2: 2.747 liều (đạt: 71,2%); từ 12 đến dưới 18 tuổi đã tiêm mũi 1: 2.483 liều (đạt 103,8%), mũi 2: 2.389 liều (đạt 99,9%), mũi nhắc lại: 1.506 liều (đạt 63,0%); người từ 18 tuổi đã tiêm mũi 1: 17.479 (đạt 100,1%); mũi 2: 17.239 liều (đạt 98,8%); mũi bổ sung: 7.993 liều; mũi nhắc lại lần 01: 10.615 liều (đạt 60,8%); mũi nhắc lại lần 2: 4.414 liều (đạt 25,3%). **A Lưới:** Đã nhận 47 đợt phân bổ vắc xin phòng covid-19, công tác tiêm chủng triển khai đúng quy trình, an toàn và hiệu quả.

[23] **Nam Đông**: có 55 thanh niên lên đường nhập ngũ; chỉ đạo các đơn vị địa phương thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng năm 2023. **A Lưới:** Tổ chức Lễ giao nhận quân năm 2023, tiến hành giao nhận quân các đơn vị bảo đảm chỉ tiêu với tổng quân số 90 công dân.

[24] **Huyện Nam Đông:** Đã triển khai 81 lượt/253 lượt CBCS tham gia tuần tra, qua đó phát hiện 01 vụ/01 đối tượng có hành vi sử dụng súng tự chế để săn bắn tại xã Hương Phú. Đẩy mạnh tuần tra, kiểm soát giao thông, đã tổ chức 274 lượt tuần tra kiểm soát giao thông, tuần tra kiểm soát địa bàn, đảm bảo trật tự đô thị, trật tự công cộng các tuyến

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

1. Kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo

a) Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG

- Đối với kinh phí được giao năm 2022

+ Nguồn ngân sách Trung ương: Vốn đầu tư phát triển: 93.550 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 35.630 triệu đồng.

Tình hình giải ngân từ tháng 01/2022 đến ngày 23/5/2023

+ Nguồn đầu tư phát triển 71.073 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 75,97% kế hoạch.

+ Nguồn sự nghiệp: giải ngân 8.883 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 24,93% kế hoạch.

(Từ 01/2023 đến 23/5/2023: Vốn đầu tư phát triển giải ngân thêm được 40.338 triệu đồng; vốn sự nghiệp giải ngân thêm được 2.531 triệu đồng)

- Đối với kinh phí được giao năm 2023

Tình hình giao kế hoạch vốn: Năm 2023, Trung ương phân bổ thực hiện Chương trình MTQG là 241.399 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển 120.432 triệu đồng, phân bổ cụ thể:

+ Phân bổ cho các công trình/dự án chuyển tiếp là 37.960 triệu đồng.

+ Phân bổ cho các công trình/dự án khởi công mới năm 2023 là 82.472 triệu đồng (trong đó Dự án 01: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt là 34.162 triệu đồng).

+ Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 02 Quyết định[25] giao vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình đối với các dự án khởi công mới: 14.088 triệu đồng/82.472 triệu đồng, đạt 17,08% (trong đó huyện A Lưới đã giao được 13.488 triệu đồng/45.056 triệu đồng, đạt 29,9%; huyện Nam Đông đã giao được 600 triệu đồng/7.143 triệu đồng, đạt 8,4%).

đường, phát hiện và xử phạt 183 t/h vi phạm, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tổng số tiền 208,7 triệu đồng. **Huyện A Lưới:** tổ chức 624 lượt tuần tra, kiểm soát trên địa bàn; gọi hỏi, răn đe 176 đối tượng; phát hiện 09 vụ việc/07 đối tượng khai thác lâm, khoáng sản trái phép; xử phạt 2 vụ việc/3 đối tượng gây rối trật tự công cộng; lập danh sách 114 đối tượng ma túy; phát hiện, bắt giữ 02 vụ/03 đối tượng mua bán, tàng trữ chất ma túy; lập hồ sơ đưa đi cai nghiện bắt buộc 01 đối tượng; xử lý vi phạm hành chính 08 đối tượng sử dụng chất ma túy. Tình hình trật tự an toàn giao thông*:* xảy ra 03 vụ, làm chết 02 người, làm bị thương 02 người (so với cùng kỳ năm 2022 tăng 02 vụ, tăng 02 người chết, tăng 01 người bị thương)

[25] Quyết định 736/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND tỉnh giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng ĐBDTTS và MN (đợt 2); Quyết định 1082/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện các CTMTQG (đợt 4)

- Vốn sự nghiệp 120.967 triệu đồng.

Tiến độ thực hiện và giải ngân:

Vốn đầu tư phát triển: Các dự án khởi công mới được giao vốn đang tiến hành lập các thủ tục để đấu thầu, lựa chọn nhà thầu; các dự án chuyển tiếp đang triển khai thực hiện. Giải ngân: 2.889 triệu đồng, đạt 2,41%.

Vốn sự nghiệp: Hiện nay, các sở, ngành cấp tỉnh đã và đang triển khai các hoạt động; các địa phương đã có quyết định giao vốn cho các phòng, ban cấp huyện, UBND các xã để triển khai thực hiện. Các nhiệm vụ chi đang tạm ứng để thực hiện. Giải ngân đạt 3,3%.

Chi tiết theo Mẫu phụ biểu số III-01; Mẫu phụ biểu số III-02 đính kèm

b) Đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc không thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2030

- Điều tra thực trạng văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào DTTS

Kế hoạch vốn: 90 triệu đồng. Đã thực hiện 72 triệu đồng, đạt 80% KH vốn. Đã tổ chức Hội nghị tập huấn công tác điều tra thực trạng văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh; tiến hành điều tra ngoại nghiệp và tổng hợp kết quả điều tra.

- Đề án "Chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Kế hoạch vốn: 72 triệu đồng. Đã ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện thông tin tuyên truyền, đang xây dựng nội dung và lựa chọn sản phẩm truyền thông.

(Chi tiết theo Mẫu phụ biểu số III-03 đính kèm)

2. Đánh giá kết quả thực hiện một số chương trình, chính sách khác do các bộ, ngành khác quản lý, chỉ đạo

Vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Thừa Thiên Huế đồng thời thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới.

(Chi tiết theo Mẫu phụ biểu số III-04 đính kèm)

3. Đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc đặc thù của địa phương: không có.

4. Đánh giá chung

a) Kết quả đạt được

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh thường xuyên, chú trọng lãnh đạo công tác dân tộc, nhất là Chương trình MTQG và kịp thời ban hành các nghị quyết, quyết định, kế hoạch để chỉ đạo, điều hành triển khai trên địa bàn tỉnh. Ban Dân tộc, các sở, ngành chức năng có liên quan và các địa phương vùng đồng bào DTTS&MN đã tích cực, chủ động tham mưu và triển khai Chương trình MTQG

cơ bản đảm bảo kế hoạch đề ra. Nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các địa phương vùng đồng bào DTTS&MN về Chương trình MTQG có bước chuyển biến tích cực. Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện cơ bản hoàn thành nội dung chương trình công tác; tích cực, chủ động phối hợp với cơ quan chức năng trong công tác tham mưu; bám sát tình hình địa phương cơ sở để kịp thời phát hiện, hướng dẫn và báo cáo kiến nghị, tham mưu giải quyết, xử lý các khó khăn, vướng mắc ở cơ sở.

b) Thuận lợi

Đến nay, một số văn bản hướng dẫn (thay thế văn bản cũ) của một số Bộ, ngành đã được ban hành (hướng dẫn của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hướng dẫn của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam); một số Bộ, ngành khác đang lấy ý kiến sửa đổi Thông tư, văn bản hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương triển khai thực hiện, giải ngân trong thời gian tới.

- Ủy ban Dân tộc đã ban hành Quyết định số 330/QĐ-UBDT ngày 12/5/2023 phê duyệt Đề án chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025. Trên cơ sở Đề án của Trung ương và giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan tham mưu sẽ thực hiện trong năm 2023.

- Nội dung bồi dưỡng kiến thức dân tộc: Học viện Dân tộc đã ban hành Bộ tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 3, đối tượng 4 thuộc Chương trình MTQG để các địa phương tổ chức giảng dạy.

- Dự án đầu tư vùng trồng dược liệu quý tại huyện A Lưới đã có Thông báo lựa chọn chủ trì liên kết và nhận hồ sơ (hiện có 02 doanh nghiệp gửi thông tin bổ sung gồm Công ty La San và Công ty cổ phần Công nghệ Y sinh BMT 4.0), Ban Dân tộc và Ủy ban nhân dân huyện A Lưới đang thực hiện theo quy trình, trình hội đồng thẩm định để lựa chọn chủ trì liên kết thực hiện dự án.

c) Khó khăn, vướng mắc

- Công tác phối hợp của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các địa phương về công tác dân tộc, chính sách dân tộc có lúc, có nơi chưa đồng bộ.

- Việc tham mưu triển khai thực hiện Chương trình MTQG còn một số khó khăn, vướng mắc và hạn chế như sau: (i) Chưa triển khai được tiểu dự án 1 (Dự án 9) về hỗ trợ đối với dân tộc còn gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân chưa có cơ chế hỗ trợ có thu hồi vốn qua kênh uỷ thác của Ngân hàng chính sách xã hội (Ủy ban Dân tộc đã ban hành Công văn số 1017/UBDT-DTTS ngày 21/6/2023 tạm thời dừng triển khai hỗ trợ đầu tư có thu hồi đối với các hộ dân tộc còn nhiều khó khăn thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi và đang lấy ý kiến của các địa phương); (ii) Dự án bố trí ổn định dân cư xã Quảng Nhâm, huyện A Lưới đang tiến hành khảo sát vị trí, điều chỉnh quy mô thực hiện; (iii) Nội dung đào tạo nghề cho thanh niên vùng ĐBDTTS&MN thuộc Tiểu dự án 3, dự án 5 khó giải ngân hết kinh phí. Nguyên nhân: Tỷ lệ huy động thanh niên trong độ tuổi lao động tham gia học nghề thấp; (iv) Một số nội dung thành phần,

tiểu dự án mặc dù đã có đầy đủ văn bản hướng dẫn nhưng tiến độ triển khai, giải ngân rất chậm (hỗ trợ chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt phân tán thuộc Dự án 1; phê duyệt danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Dự án 3; duy tu bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng thuộc Dự án 4;….).

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh với 10 dự án thuộc Chương trình, trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa xã hội và quốc phòng - an ninh.

- Thường xuyên, kịp thời nắm bắt thông tin từ địa phương, cơ sở và phối hợp các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện đạt hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn vùng DTTS&MN tỉnh. Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 theo chức năng nhiệm vụ và kế hoạch của ban đã đề ra.

- Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, địa phương đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là các nội dung liên quan đến tỉnh Thừa Thiên Huế. Vận động đồng bào DTTS&MN tự giác, tự lực xây dựng đời sống kinh tế, văn hóa ổn định và bền đẹp, vừa kế thừa giá trị truyền thống của dân tộc mình vừa thích ứng với giá trị hiện đại, văn minh, phát triển.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kính đề xuất, kiến nghị Ủy ban Dân tộc sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 9.

Trên đây là Báo cáo kết quả công tác dân tộc 6 tháng đầu năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kính báo cáo Ủy Ban Dân tộc để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh: Chủ tịch, các PCT;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP.
- Lưu: VT, GD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Phụ biểu số III-01

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2023
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

(Kết quả thực hiện đến 31/3/2023)
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 269/BC-UBND ngày 28/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Tổng số xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng hào dân tộc thiểu số và miền núi	xã	24	
1.1	Số xã khu vực III	xã	14	
1.2	Số xã khu vực II	xã	1	
1.3	Số xã khu vực I	xã	9	
2	Số thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc vùng DTTS&MN	thôn	5	
3	Thu nhập bình quân đầu người của người DTTS	Triệu đồng/ người/tháng	2,3 triệu đồng/người /tháng	
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS	%	7	
5	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông	%	100	
6	Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa	%	91,9	
7	Tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố	%	100	
8	Tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố	%	100	
9	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp	%	99.5	
10	Tỷ lệ đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	98	
11	Tỷ lệ đồng bào DTTS được xem truyền hình	%	95	
12	Tỷ lệ đồng bào DTTS được nghe đài phát thanh	%	75	
13	Tỷ lệ hộ di cư không theo quy hoạch được sắp xếp, bố trí ổn định	%	25	

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
14	Tỷ lệ hộ DTTS đang cư trú tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét sạt lở được qui hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí	%	0	
15	Tỷ lệ hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBKK, thôn ĐBKK không có hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề	%		
16	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề	%	51,02	
17	Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường	%	96	
18	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường	%	100	
19	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở đến trường	%	96	
20	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường	%	90	
21	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông	%	95	
22	Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng	%	100	
23	Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (CLB) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng	%	43	
24	Tỷ lệ đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế	%	95	
25	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS ở các cấp từng địa phương	%	47,7	
26	Số hộ được giải quyết đất ở	Hộ	100	
27	Số hộ được giải quyết nhà ở	Hộ	0	
28	Số hộ được hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất	Hộ	0	
29	Số hộ không có hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ giải quyết sinh kế, chuyển đổi nghề	Hộ	1500	
30	Số hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt	Hộ	1.121	
31	Số công trình nước sinh hoạt tập trung được xây dựng	Công trình	01	
32	Số hộ được sắp xếp, ổn định dân cư	Hộ	149	

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
33	Tỷ lệ trạm y tế xã vùng DTTS&MN đủ điều kiện khám chữa bệnh BHYT	%	100	
34	Số người có uy tín trong đồng bào DTTS	Người	128	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Phụ biểu số III-02

KẾT QUẢ THỰC HIỆN
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 269/BC-UBND ngày 28/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	**Hỗ trợ đất ở**			
1.1	Số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh được hỗ trợ đất ở	Hộ	0	
2	**Hỗ trợ nhà ở**			
2.1	Số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh được hỗ trợ nhà ở	Hộ	0	
3	**Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề**			
3.1	Tổng số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh không có hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề	Hộ	1.217	
	Trong đó:			
	3.1.1. Số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh không có đất sản xuất được hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất	Hộ	0	
	3.1.2. Số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh không có hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ chuyển đổi nghề	Hộ	1.217	
3.2	Tỷ lệ hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh không có hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề	%	30	
4	**Hỗ trợ nước sinh hoạt**			
4.1	Tổng số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh được hỗ trợ nước sinh hoạt	Hộ	1.121	

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
	Trong đó:			
	4.1.1. Số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	Hộ	921	
	4.1.2. Số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh được thụ hưởng công trình nước sinh hoạt tập trung	Hộ	200	
4.2	Số lượng công trình nước sinh hoạt tập trung được đầu tư	Công trình	01	

DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	**Hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tập trung**			
1.1	Số hộ dân được bố trí trong các dự án sắp xếp, ổn định dân cư tập trung	Hộ	149	
2	**Hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ**			
2.1	Số hộ dân được bố trí trong các dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ	Hộ	0	
3	**Hỗ trợ phương án cộng đồng bố trí dân xen ghép**			
3.1	Số hộ dân được bố trí trong phương án di dân xen ghép và được cộng đồng tiếp nhận xen ghép	Hộ	0	
4	**Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình (hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư)**		0	
4.1	Tổng số hộ được bố trí, sắp xếp ổn định dân cư	Hộ		
	Trong đó:			
	4.1.1. Số hộ dân di cư tự do được bố trí,	Hộ		

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
	sắp xếp ổn định			
	4.1.2. Số hộ DTTS còn du canh, du cư được bố trí định canh, định cư	Hộ		
	4.1.3. Số hộ vùng biên giới được bố trí sắp xếp ổn định dân cư	Hộ		
	4.1.4. Số hộ vùng đặc biệt khó khăn và khu vực cần thiết khác được bố trí, sắp xếp ổn định dân cư	Hộ		
4.2	Tỷ lệ hộ di cư không theo quy hoạch được sắp xếp, bố trí ổn định	%	0	
4.3	Tỷ lệ hộ DTTS đang cư trú tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở được quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí	%	0	

DỰ ÁN 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình	Ha	0	
2	Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với điện tích rừng Nhà nước giao cho BQL rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế; diện tích rừng tự nhiên do UBND cấp xã trực tiếp quản lý	Ha	0	
3	Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung	Ha		
4	Hỗ trợ hồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình	Ha	0	
5	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, sây lâm sản ngoài gỗ đối với diện tích đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình	Ha	0	
6	Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào DTTS tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi	Kg	0	

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
	tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển LSNG, trồng rừng phòng hộ			
6.1	Tổng khối lượng gạo trợ cấp	Kg	0	
6.2	Số hộ gia đình nghèo, hộ gia đình DTTS được nhận trợ cấp gạo	Hộ	0	
7	Hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	Dự án	0	
8	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế (đối với các địa phương không có điều kiện thực hiện PTSX theo chuỗi giá trị)	Dự án	0	
9	Số lượng dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý được đề xuất và phê duyệt hỗ trợ theo tiêu chí của Chương trình (sử dụng tối thiểu 50% lao động là người DTTS)	Dự án	0	
10	Diện tích môi trường rừng được địa phương hỗ trợ, bố trí, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuê để triển khai dự án	Ha	0	
11	Diện tích đất được cải tạo, hỗ trợ để phát triển vùng trồng dược liệu quý	Ha	0	
12	Số lượng Doanh nghiệp tham gia thực hiện Dự án phát triển dược liệu quý (theo chuỗi giá trị)	Doanh nghiệp	0	Đang chờ Hội đồng thẩm định dự án lựa chọn
13	Số lượng lao động được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc trong các dự án phát triển dược liệu quý	Người	0	
14	Số lượng lao động được doanh nghiệp trực tiếp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về nuôi trồng, chế biến, bảo quản cây thuốc dược liệu	Người	0	
15	Số lượng hợp tác xã, tổ hợp tác vệ tinh được hỗ trợ phát triển và tham gia liên kết trong Dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý theo chuỗi giá trị	HTX/Tổ hợp tác	0	
16	Số lượng hộ gia tham gia liên kết, hợp tác với dự án hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo chuỗi giá trị	Hộ	0	
17	Hỗ trợ các dự án, mô hình chăn nuôi	Dự án	0	

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
18	Hỗ trợ các dự án, mô hình trồng trọt	Dự án	0	

DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	**Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã đặc biệt khó khăn khu vực III, thôn bản ĐBKK**			
1.1	Số lượng Công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh được đầu tư	Công trình	58	
1.2	Số km đường giao thông nông thôn được đầu tư nhựa hóa, bê tông hóa, hoặc cứng hóa	Km	15	
1.3	Số lượng Công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản được đầu tư	Công trình	03	
1.4	Số lượng Trạm chuyển tiếp phát thanh xã được đầu tư	Trạm	0	
1.5	Số lượng Nhà sinh hoạt cộng đồng được đầu tư	Nhà	07	
1.6	Số lượng Trạm y tế xã đạt chuẩn được đầu tư	Trạm	0	
1.7	Số lượng công trình Trường, lớp học đạt chuẩn được đầu tư	Công trình	02	
1.8	Số lượng công trình Thủy lợi nhỏ được cải tạo, xây mới	Công trình	12	
1.9	Số lượng công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất được đầu tư	Công trình	12	
1.10	Số lượng, Tỷ lệ dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù (có sự đóng góp, tham gia thực hiện của cộng đồng người dân)	Công trình, %	0	
2	**Đầu tư CSHT trọng điểm kết nối các xã ĐBKK trên cùng địa bàn (hạ tầng phục vụ giáo dục, y tế, hệ thống cầu, đường giao thông; hạ tầng lưới điện...); xây dựng cầu dân sinh nhằm tăng cường kết nối, tạo trục động lực phát triển đồng bộ**			

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
2.1	Số lượng dự án đầu tư CSHT trọng điểm (hạ tầng phục vụ giáo dục, y tế, hệ thống cầu, đường giao thông; hạ tầng lưới điện, hạ tầng khác)	Dự án	0	
3	**Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn ĐBKK**			
3.1	Số lượng công trình CSHT trên địa bàn ĐBKK được duy tu, bảo dưỡng bằng nguồn vốn của Chương trình	Công trình	48	
4	**Số lượng chợ vùng DTTS&MN được đầu tư xây mới**	**Chợ**	0	
5	**Số lượng chợ vùng DTTS&MN được đầu tư cải tạo, nâng cấp**	**Chợ**	0	
6	**Đầu tư xây dựng các công trình phục vụ học tập, sinh hoạt cho giáo viên và học sinh**	**Công trình**	0	

DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Số lượng trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh được đầu tư bằng nguồn vốn của CTMTQG	Trường	03	
2	Số lượng lớp học xóa mù chữ được tổ chức	Lớp	0	
3	Số người được bồi dưỡng kiến thức dân tộc	Người	96	
4	Số người được bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	Người	0	
5	Số người được đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học	Người	0	
6	Số lượng các mô hình đào tạo nghề, đặt hàng đào tạo nghề được thực hiện	Mô hình	01	
7	Số người được hỗ trợ đào tạo nghề	Người	180	

DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Số lượng dự án, mô hình khôi phục, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa tiêu biểu của các DTTS có số dân ít người được triển khai thực hiện	Dự án, mô hình		

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
2	Số lượng các di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số được kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa	Di sản văn hóa	07	1. Tiếng nói, chữ viết 2. Ngữ văn dân gian 3. Nghệ thuật trình diễn dân gian 4. Tập quán xã hội 5. Lễ hội truyền thống 6. Nghề thủ công truyền thống 7. Tri thức dân gian
3	Số lượng lễ hội truyền thống của các DTTS được khôi phục, phục dựng bảo tồn trước nguy cơ mai một	Lễ hội		
4	Số lượng mô hình bảo vệ và phát huy văn hóa truyền thống các DTTS được xây dựng	Mô hình		
5	Số người DTTS tham gia hoạt động CLB sinh hoạt văn hóa dân gian	Người		
6	Số lượng thôn vùng đồng bào DTTS&MN có đội văn nghệ truyền thống được hỗ trợ hoạt động	Thôn		
7	Số lượng người DTTS tham gia Đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Người		
8	Số lượng, Tỷ lệ thôn vùng đồng bào DTTS&MN có đội văn hóa, văn nghệ (CLB) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng	Thôn, %		
9	Số lượng người lao động DTTS hoạt động trong lĩnh vực du lịch được đào tạo kiến thức kỹ năng (tại các điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS&MN được hỗ trợ đầu tư)	Người	85	- Huyện Nam Đông: 35 người - Huyện A Lưới: 50 người
10	Số lượng (cuộc) ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào DTTS được tổ chức	Cuộc		

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
11	Số lượng (cuộc) ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS	Cuộc		

DỰ ÁN 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Số lượng Trung tâm y tế huyện vùng miền núi (trong số huyện nghèo) được đầu tư	Trung tâm	2 TT 1 BVĐK Bình Điền 23 TYT	- 2 TTYT đang làm thủ tục xin nâng cấp, sửa chữa - Chương trình phục hồi phát triển kinh tế: 1 BVĐK Bình Điền 3 TYT Phú Lộc 3 TYT Hương Trà 3 TYT Nam Đông 4 TYT A Lưới - Chương trình Làng Hòa Bình (KOICA) 10 TYT A Lưới
2	Số lượng bác sĩ chuyên khoa II, chuyên khoa I được đào tạo cho huyện nghèo, huyện cận nghèo	Bác sĩ	5	
3	Số lượng, Tỷ lệ trạm y tế xã đủ điều kiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế	Trạm y tế, %	100%	
4	Số lượng túi truyền thông được bổ sung cho các trạm y tế xã và nhân viên y tế thôn bản	Túi truyền thông		
5	Số lượng cán bộ trạm y tế xã được đào tạo CSSKBĐ theo nguyên lý y học gia đình	Người	0	
6	Số lượng, Tỷ lệ thôn, bản vùng DTTS&MN có cô đỡ thôn bản hoạt động	Thôn, %	10	Kiêm nhiệm y tế thôn bản
7	Số lượng, Tỷ lệ thôn bản vùng DTTS&MN có y tế thôn bản hoạt động	Thôn, %	100%	
8	Tỷ lệ bao phủ tiêm chủng tại các xã khu vực DTTS&MN	%	100%	

DỰ ÁN 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em	Lượt người	773	
2	Số lượng cuộc đối thoại chính sách được tổ chức ở cấp xã và cụm thôn bản ĐBKK	Cuộc		
3	Số lượng, Tỷ lệ phụ nữ DTTS tham gia vào các cuộc đối thoại chính sách được tổ chức ở cấp xã và cụm thôn bản ĐBKK	Người, %		
4	Số lượng, Tỷ lệ phụ nữ tham gia trong các cuộc họp dân, tiếp xúc cử tri của đại biểu dân cử tại địa bàn	Người, %		
5	Số lượng, Tỷ lệ phụ nữ tham gia các hoạt động giám sát xã hội: giám sát các hoạt động theo chủ đề/vấn đề do tổ chức Hội LHPNVN đề xuất, chủ trì hoặc phối hợp thực hiện	Người, %		
6	Số lượng lớp tập huấn về thu thập thông tin cho hệ thống GS&ĐG về bình đẳng giới cho cán bộ cấp xã và thôn bản	Lớp		
7	Số lượng lớp tập huấn cho cán bộ cấp tỉnh và cấp huyện về tổng hợp và phân tích thông tin về GS&ĐG giới	Lớp		
8	Chương trình 1 phát triển năng lực lồng ghép giới cho cán bộ cấp tỉnh, huyện được xây dựng và được số hóa	Chương trình		
9	Chương trình 2 phát triển năng lực lồng ghép giới cho cán bộ cấp xã dành được xây dựng và được số hóa:	Chương trình		
10	Chương trình 3 phát triển năng lực thúc đẩy bình đẳng giới trong cộng đồng được xây dựng và được số hóa	Chương trình		
11	Số lượng các khóa học trực tuyến về phát triển năng lực lồng ghép giới cho cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã và cộng đồng trên website của TƯ Hội Liên hiệp phụ nữ VN	Khóa học		

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
12	Số lượng lớp tập huấn Chương trình 1 cho 53 tỉnh	Lớp		
13	Số lượng lớp tập huấn Chương trình 2 cho cán bộ cấp huyện và xã	Lớp	09	
14	Số lượng lớp tập huấn Chương trình 3 trong cộng đồng	Lớp	05	
15	Số lượng cán bộ tham gia hoạt động tập huấn về LGG ở các cấp (tỉnh, huyện, xã)	Người		

DỰ ÁN 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	**Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù**			
1.1	Số lượng, Tỷ lệ thôn tập trung đông đồng bào DTTS có khó khăn đặc thù có đủ các hạng mục được đầu tư đồng bộ	Thôn, %	0	
1.2	Số lượng công trình đường giao thông được đầu tư mở mới, nâng cấp, sửa chữa bảo đảm cứng hóa	Công trình	0	
1.3	Số km đường giao thông được đầu tư mở mới, nâng cấp, sửa chữa bảo đảm cứng hóa	Km	0	
1.4	Số lượng công trình điện sản xuất, sinh hoạt được đầu tư các trạm biến áp và kéo dây đến các hộ dân	Công trình	0	
1.5	Số lượng công trình thủy lợi nhỏ được đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp	Công trình	0	
1.6	Số lượng nhà sinh hoạt cộng đồng được xây dựng, sửa chữa, nâng cấp	Công trình	0	
1.7	Số công trình kiên cố hóa các lớp học, sân chơi cho trẻ mẫu giáo, nhà công vụ cho giáo viên, nhà ở bán trú, bếp ăn cho học sinh và các công trình phụ trợ khác được đầu tư xây dựng	Công trình	0	
1.8	Số lượng hộ DTTS có khó khăn đặc thù được hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế	Hộ	0	

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1.9	Tỷ lệ hộ DTTS có khó khăn đặc thù được hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế	%	0	
1.10	Số lượng, Tỷ lệ các thôn, bản tập trung các DTTS có khó khăn đặc thù được hỗ trợ thực hiện hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các DTTS có khó khăn đặc thù	Thôn, %	0	
2	**Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**			
2.1	Số lượng người dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù được tập huấn về pháp luật hôn nhân và gia đình, được tuyên truyền, vận động ngăn ngừa tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	Lượt người	150	
2.2	Số lượng, Tỷ lệ cơ sở y tế cơ sở (TTYT huyện, Trạm y tế xã) triển khai mô hình tư vấn tiền hôn nhân, lồng ghép tuyên truyền vận động các em ở lứa tuổi vị thành niên hiểu về SKSS và không kết hôn sớm, không kết hôn cận huyết thống	Cơ sở y tế, %		
2.3	Số lượng, Tỷ lệ thanh niên DTTS được tư vấn tiền hôn nhân về tác hại và ngăn ngừa tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống	Lượt người, %		
2.4	Số lượng mô hình ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống được triển khai tại các huyện/xã/trường học	Mô hình	100%	06 mô hình
2.5	Số lượt người DTTS được tuyên truyền, vận động ngăn ngừa tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống thông qua các mô hình	Lượt người	120	
2.6	Số lượng, Tỷ lệ cán bộ làm công tác dân tộc các cấp, cán bộ cấp xã được tập huấn NCNL, kỹ năng vận động, tư vấn, truyền thông thay đổi hành vi về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	Lượt người, %		
2.7	Số lượng người tảo hôn/năm	Người	06	
2.8	Mức giảm tỷ lệ số cặp tảo hôn đối với các địa bàn, DTTS có tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cao:	%	65	
2.9	Số lượng người hôn nhân cận huyết thống/năm	Người	0	

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
2.10	Mức giảm tỷ lệ số cặp kết hôn cận huyết thống đối với các địa bàn, DTTS có tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cao	%	0	

DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	**Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia**			
1.1	Số lượng người có uy tín được thụ hưởng chế độ, chính sách	Người	126	
1.2	Số lượng người có uy tín và lực lượng cốt cán tham gia các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp	Lượt người	126	
1.3	Số lượng gương điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS&MN được tuyên truyền, biểu dương, tôn vinh, vinh danh	Gương điển hình	04	
1.4	Số lượng các hoạt động (tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi, nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, CLB tuyên truyền pháp luật) nhằm phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện	Hoạt động	13	Hội nghị PBGDPL
1.5	Số lượng ấn phẩm, tài liệu (tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm, tài liệu khác) bằng chữ phổ thông hoặc song ngữ chữ phổ thông và chữ dân tộc thiểu số được biên soạn và phát hành	Ấn phẩm tài liệu		
1.6	Số lượng ấn phẩm báo, tạp chí cấp định kỳ ở vùng đồng bào DTTS&MN	Ấn phẩm	7.052	Báo Dân tộc và Phát triển; Bản tin Dân tộc và Miền núi
1.7	Tổ chức lớp Tập huấn kiến thức, nghiệp vụ về thông tin đối ngoại cho cán chủ chốt làm công tác dân tộc	Lớp		
1.8	Số lượng cán bộ chủ chốt (từ cấp huyện trở lên) làm công tác dân tộc tham gia lớp tập huấn về thông tin đối ngoại	Người		
1.9	Số lớp tập huấn điểm được thực hiện: về kỹ năng thực hiện, tiếp cận trợ giúp pháp lý cho người DTTS	Lớp tập huấn		
1.10	Số lượng chương trình về trợ giúp pháp lý	Chương		

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
	cho người DTTS được thực hiện và phủ sóng các tỉnh vùng DTTS&MN	trình		
2	**Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc DTTS&MN**			
2.1	Số lượng, Tỷ lệ xã khu vực III được thiết lập hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin: máy tính phục vụ truy cập internet, máy photo,...	Xã, %	0	
2.2	Số lượng cán bộ trong hệ thống chính trị ở cơ sở (cấp xã) được hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin	Người	349	CB xã, thôn, bản, TDP
2.3	Hệ thống thông tin kết nối giữa UBDT với các tỉnh, thành phố vùng DTTS được xây dựng và hoàn thiện	Hệ thống	0	
2.4	Số lượng, Tỷ lệ xã triển khai ứng dụng chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình	Xã, %	0	
2.5	Số lượng, Tỷ lệ huyện triển khai ứng dụng chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình	Huyện, %	2/2 100%	Huyện thụ hưởng
2.6	Số lượng, Tỷ lệ xã khu vực III được đầu tư xây dựng "Hệ thống thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về pháp luật và công tác dân tộc cho đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ 4.0"	Xã, %	0	
2.7	Số lượng, Tỷ lệ xã an toàn khu thuộc khu vực I và khu vực II được đầu tư xây dựng "Hệ thống thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về pháp luật và công tác dân tộc cho đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ 4.0"	Xã, %	0	
2.8	Hệ thống thông tin chợ trực tuyến được xây dựng nhằm thúc đẩy phát triển thương mại điện tử vùng đồng bào DTTS	Hệ thống	1	Đang xây dựng
2.9	Số lượng cá nhân, tổ chức hoạt động ở vùng DTTS&MN đăng ký tham gia cung cấp thông tin và giao dịch trên Chợ trực tuyến	Cá nhân, tổ chức		
2.10	Số lượng, tỷ lệ cá nhân, tổ chức do người DTTS làm chủ/ đồng làm chủ đăng ký tham gia cung cấp thông tin và giao dịch trên Chợ trực tuyến	Cá nhân, tổ chức, %		

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Phụ biểu số III-03

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC KHÔNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 269/BC-UBND ngày 28/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH	Đơn vị tính	Khối lượng	Tổng kinh phí (Tr.đ)	Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)				Vốn giải ngân (Tr.đ)	Số công trình hoàn thành	Ghi chú
					NSTƯ	NSĐP	Dân đóng góp (quy đổi)	Lồng ghép, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5=6+7+8+9*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Điều tra thực trạng văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào DTTS			90					72		đạt 80% KH vốn
2	Đề án "Chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030			72							
CỘNG				**162**							

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Phụ biểu số III-04

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC THỰC HIỆN TẠI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN, TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP ĐẾN ĐỒNG BÀO DTTS 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 269/BC-UBND ngày 28/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	HẠNG MỤC	Đơn vị tính	Khối lượng	Tổng kinh phí (Tr.đ)	Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)				Vốn giải ngân (Tr.đ)	Số công trình hoàn thành	Ghi chú
					NSTƯ	NSĐP	Dân đóng góp (quy đổi)	Lồng ghép, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5=6+7+8+9*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			299.470	296.088	3.382			16.515		
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới			133.827	78.995	9.394					
CỘNG				**433.297**							

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình